TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án số: 89/2019/DS-PT Ngày 23-5-2019 V/v Bồi thường thiệt hại về tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuấn

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc Bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2019/QĐPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm 1966;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Cao Văn D: Chị Cao Thị T2, sinh năm 1981 (con của ông Cao Văn D), là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 16 tháng 4 năm 2019 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Võ Thị L, sinh năm 1950 (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện A, Kiên Giang

- Chị Trương Thị Bích T1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày*:

Vào ngày 17/02/2004, ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Trần Văn T với diện tích là 7.229,5 m^2 (chiều ngang 31,5 mét x chiều dài 229,5 mét), tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang với giá là 31 chỉ vàng 24k, vàng 9999 (nguồn gốc đất là do anh T nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị L), khi chuyển nhượng có làm hợp đồng tay, có ông Trần Văn C ký chứng kiến. Đến năm 2012, ông chuyển nhượng một phần diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn M, thì bà Võ Thị L ra ngăn cản với lý do bà L trước đây chỉ chuyển nhượng cho anh T 05 công đất tầm 03 mét (6.480 m^2) nhưng anh T lại chuyển nhượng cho ông D 7.229,5 m^2. Hiện nay ông chỉ được nhận 6.480 m^2, còn thiếu 749,5 m^2 so với hợp đồng đã ký kết. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh T bồi thường cho ông số tiền 23.984.000 đồng tương đương với diện tích đất chuyển nhượng còn thiếu.

Ngoài ra, từ năm 2012 đến nay ông Cao Văn D không canh tác được phần đất này, do đó yêu cầu anh T, chị T1 bồi thường theo giá trị thuê đất mỗi năm là 2.000.000 đồng, từ năm 2012 đến nay là 6 năm nhưng chỉ tính 5 năm, với số tiền là 10.000.000 đồng. Từ năm 2012 xảy ra tranh chấp đến nay, ông Cao Văn D đi lại Tòa án các cấp triệu tập nhiều lần nên tốn kém trung bình mỗi năm là 2.000.000 đồng, tính đến này là 6 năm nhưng chỉ tính là 05 năm, với số tiền 10.000.000 đồng. Ông D yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng các khoản là 43.984.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Văn T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Trương Thị Bích T1 trình bày*:

Anh không nhớ chính xác ngày tháng năm nào, anh có chuyển nhượng cho ông D diện tích đất 05 công tầm 03 mét (6.480 mét vuông), với giá là 31 chỉ vàng 24k, khi chuyển nhượng không có làm giấy tờ gì, sau đó khoảng 02 đến 03 năm sau, ông D có làm tờ sang nhượng đất đến đưa cho anh ký tên, anh có chuyển nhượng đất cho ông D nên anh có ký tên trong tờ sang nhượng đất ngày 17-02-2004 nói trên, nhưng khi ký tên trên tờ sang nhượng đất anh không có xem lại nội dung như thế nào. Thực tế anh chuyển nhượng đất cho ông Cao Văn D diện tích là 05 công tầm 03 mét (6.480 mét vuông). Nay vợ chồng anh không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông D.

- *Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày*: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông D nêu trên về việc yêu cầu anh T phải bồi thường thiệt hại khi giao đất thiếu theo hợp đồng chuyển nhượng là 23.984.000 đồng, ngoài ra bồi thường việc vợ chồng bà không sử dụng được phần đất thiếu trong 05 năm là 10.000.000 đồng, bồi thường chi phí thưa kiện là 10.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 43.984.000 đồng.

- *Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Bích T1 trình bày:*

Trước đây gia đình chị có nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị L 05 công đất tầm lớn, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Cao Văn D và bà Trần Thị V cũng 5 công đất tầm lớn. Nay chị không thống nhất bồi thường theo yêu cầu của ông D, bà V.

- *Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L trình bày:*

Nay bà không nhớ rõ ngày, tháng, năm. Trước đây bà có chuyển nhượng cho anh T diện tích đất 05 công tầm 03 mét, sau đó anh T chuyển nhượng lại cho ông D diện tích đất bao nhiêu thì bà không biết, đến khi ông D chuyển nhượng đất lại cho ông M diện tích đất hơn 05 công tầm 03 mét, bà không đồng ý và can ngăn thì ông D chỉ chuyển nhượng đất cho ông M diện tích đất 05 công tầm 03 mét, nay không ảnh hưởng quyền lợi gì của bà nên bà không yêu cầu gì.

- *Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M Trình bày:*

Ông M xác định ông nhận chuyển nhượng đất của ông D 05 công tầm 03 mét và chuyển nhượng của bà Võ Thị L ba góc tư (3/4), đã trả tiền xong và sử dụng ổn định đến nay, ông không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D, bà Trần Thị V về việc yêu cầu anh Trần Văn T, chị Trương Thị Bích T1 bồi thường tổng số tiền là 43.984.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 01 năm 2019, ông Cao Văn D và bà Trần Thị V kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Trần Văn T bồi thường thiệt hại tài sản cho ông bà số tiền 43.984.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn ông Cao Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Cao Văn D, anh Trần Văn T, bà Võ Thị L đã được Tòa án nhân dân huyện A giải quyết sơ thẩm tại Bản án sơ thẩm số 28/2013/DS-ST ngày 30/8/2013 và Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm tại Bản án số 09/2014/DS-PT ngày 10/01/2014 đã có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm đã xác định diện tích đất giữa bà L chuyển nhượng cho anh T, sau đó anh T chuyển nhượng cho ông D là 5 công tầm ba mét (tương đương 6.480 m^2) không phải 5,5 công tầm ba mét (tương đương 7.229,5 m^2) như ông D trình bày, nay ông D khởi kiện yêu cầu bồi thường diện tích đất chuyển nhượng còn thiếu là 749,5 m^2 và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi không sử dụng được diện tích đất 749,5 m^2 và tiền chi phí đi lại thưa kiện là không có cơ sở. Đối với phần án phí cấp sơ thẩm xác định bà V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng, mặt khác cấp sơ thẩm miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông D với lý do là người cao tuổi và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là chưa phù hợp với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông D, bà V,

sửa án dân sự sơ thẩm về phần án phí theo hướng buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị L, chị Trương Thị Bích T1, ông Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử vắng mặt.

[2] Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Nguồn gốc đất tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện A trước đây của bà Võ Thị L, bà L chuyển nhượng cho anh Trần Văn T, anh T chuyển nhượng lại cho ông Cao Văn D (thời điểm chuyển nhượng không lập văn bản), đến năm 2004, ông D mới lập văn bản đề ngày 17/02/2004 đưa cho anh T ký có nội dung anh T chuyển nhượng cho ông D một diện tích đất có chiều dài 229,5 mét, chiều ngang 31,5 mét (tương đương 7.229,5m^2) với số tiền 31 chỉ vàng 24k. Văn bản có ông Trần Văn C là người ký tên chứng kiến, ông Đinh Văn T2 (trưởng ấp N) xác nhận. Năm 2012, ông D tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Văn M thì bà Võ Thị L tranh chấp và cho rằng trước đây bà L chỉ chuyển nhượng cho anh T 5 công đất tầm ba mét (tương đương 6.480 m^2), anh T chuyển nhượng lại phần đất này cho ông D, nay ông D chuyển nhượng cho anh Minh với diện tích 7.229,5 m^2 là lấn vào phần đất của bà đang sử dụng. Sự việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đã được Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm (Bản án số 28/2013/DS-ST ngày 30/8/2013) và Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm (Bản án số 09/2014/DS-PT ngày 10/01/2014) với nhận định: xác định diện tích đất bà L chỉ chuyển nhượng cho anh T là 5 công tầm ba mét (tương đương 6.480 m^2), anh T chuyển nhượng cho ông D cũng diện tích 5 công tầm ba mét, việc ông D xác định anh T chuyển nhượng cho ông D diện tích 5,5 công tầm ba mét là không có căn cứ. Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (BL 30 - 33).

[3] Về yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo: Ông D khởi kiện yêu cầu anh T bồi thường thiệt hại với số tiền 23.984.000 đồng (tương đương với diện tích đất giao thiếu 749,5 m^2 theo hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 17/02/2004), đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại vì không sử dụng được 749,5m^2 đất với số tiền 10.000.000 đồng, tiền đi lại thưa kiện 10.000.000 đồng, tổng cộng là 43.984.000 đồng. Xét thấy, Bản án phúc thẩm số 09/2014/DS-PT

của Tòa án nhân dân tỉnh K đã xác định diện tích đất anh T chuyển nhượng cho ông D là 5 công tầm ba mét, bản án đã có hiệu lực và là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, hơn nữa ông D không chứng minh được anh T, chị T1 có lỗi gây ra thiệt hại chi phí thưa kiện do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại với số tiền 43.984.000 đồng (bao gồm tiền thiệt hại từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền thiệt hại không sử dụng được đất và tiền đi lại thưa kiện) là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông D không đưa ra được chứng cứ nào khác nên kháng cáo của ông D không có cơ sở để xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy có thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông D nhưng bà V không khởi kiện, không có yêu cầu độc lập nhưng cấp sơ thẩm lại xác định bà V thuộc trường hợp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm khi yêu cầu của ông D không được chấp nhận nhưng miễn án phí do là người cao tuổi là chưa đúng quy định pháp luật, lẽ ra trường hợp này phải xác định bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với ông Cao Văn D khởi kiện bị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm buộc ông D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là đúng, nhưng cấp sơ thẩm miễn toàn bộ án phí cho ông D với lý do là người cao tuổi và là người có điều kiện kinh tế khó khăn là chưa đúng, bởi lẽ ông D sinh năm 1966, chưa phải là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, mặt khác, ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo, việc Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ông D có hoàn cảnh khó khăn không phải là căn cứ để miễn án phí, do đó ông D không phải là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Như vậy, án phí dân sự sơ thẩm ông D phải nộp trên số tiền bị bác yêu cầu khởi kiện là 43.984.000 đồng x 5% = 2.199.200 đồng. Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông D kháng cáo và không được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà V kháng cáo và không được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận nhưng do bà V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận kháng cáo của ông D, bà V, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang về phần án phí theo hướng buộc ông Cao Văn D phải chịu án

phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, không buộc bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 360, 419, 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Cao Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D về việc yêu cầu anh Trần Văn T, chị Trương Thị Bích T1 bồi thường thiệt hại với số tiền 43.984.000 đồng (bao gồm tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại giao thiếu 749,5 m^2 đất từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/02/2004 là 23.984.000 đồng, tiền thiệt hại không sử dụng được đất là 10.000.000 đồng và tiền chi phí đi lại thưa kiện là 10.000.000 đồng).

2. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Cao Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.199.200 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006937 ngày 16/8/2017 và số 0005623 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, theo đó ông D còn phải nộp 1.099.200 đồng (một triệu không trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Cao Văn D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0005917 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

+ Miễn án phí phúc thẩm cho bà Trần Thị V theo quy định pháp luật (người cao tuổi). Hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà V 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005918 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Trâm Anh